

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 100/2021/HS-ST

Ngày: 23-4-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Cải

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2021/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thế T, sinh năm 198x tại Nam Định; nơi cư trú: Số x, phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thế A và bà Ninh Thị H; vợ: Nguyễn Thu T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02-6-2020 Công an thành phố Nam Định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Trần Quang A, sinh năm 199x tại Nam Định; nơi cư trú: x, phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Quang T và bà Phạm Thị D; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn T Đ, sinh năm 199x; nơi cư trú: Số x, phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
2. Anh Trần V T, sinh năm 198x; nơi cư trú: Số x, phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 197x; nơi cư trú: Xóm x, xã x, thành phố x, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
4. Chị Nguyễn Thu Q, sinh năm 198x; nơi cư trú: Số x, phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 09-01-2021, tổ công tác Đội Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Nam Định làm nhiệm vụ tại khu vực đường x, phường x, thành phố x phát hiện Nguyễn Thế T điều khiển xe máy biển kiểm soát 18B2-xx có biểu hiện nghi vấn đã yêu cầu T dừng xe để kiểm tra hành chính. T đã mở cốp xe máy và tự nguyện giao nộp 05 giấy vay tiền và 01 giấy đăng ký xe máy số xx mang tên Nguyễn Thị H. Tổ công tác đã thu giữ của số giấy tờ trên rồi đưa T về trụ sở Công an thành phố để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thế T đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bản thân như sau: Nguyễn Thế T mở cửa hàng cầm đồ Trang T tại địa chỉ x, phường x, thành phố x. Từ đầu năm 2020 T bắt đầu cho những người có nhu cầu vay tiền lấy lãi suất cao để hưởng lợi bất chính. T thuê Trần Quang A làm nhân viên với mức lương 5.000.000 đồng/ tháng, A có nhiệm vụ làm thủ tục cho vay tiền và đi thu tiền lãi của khách, mọi giao dịch A đều phải báo cáo lại cho T. T quy định mức lãi suất từ 4.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày đến 7.000 đồng/1 triệu/01 ngày (tương đương từ 146%/năm đến 255,5%/năm - theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất cho vay theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) cho tùy từng khoản vay và tùy từng khách vay khác nhau. Từ tháng 3-2020 T đã cho 04 người vay cụ thể như sau:

Trường hợp thứ 1: Ngày 20-3-2020 anh Nguyễn T Đ (sinh năm: 199x; trú tại: x, phường x, thành phố x) đến nhà T đặt vấn đề vay của T số tiền 20.000.000 đồng. T đồng ý cho anh T Đ vay với mức lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương 182,5%/ 01 năm), cứ định kỳ 01 tháng (30 ngày) đóng lãi một lần. Anh Nguyễn T Đ đồng ý, T đưa tiền và hướng dẫn anh T Đ viết 01 giấy vay tiền với nội dung vay của T số tiền 20.000.000 đồng (không ghi mức lãi suất). T cắt lãi luôn của tháng đầu là 3.000.000 đồng, sau đó từ 20-4-2020 đến 25-12-2020 A là

người đi thu lãi của T Đ. T Đ đã đóng lãi đều đặn cho A và T tổng cộng 10 kỳ = 300 ngày với tổng số tiền lãi là 30.000.000 đồng (chưa trả nợ gốc).

Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 20.000.000 \text{ đồng} / 365 \times 300 = 3.287.671 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi T và A thu lợi bất hợp pháp là 26.712.329 đồng.

Trường hợp thứ 2: Ngày 05-5-2020 anh Trần V T (sinh năm: 198x; trú tại: x, phường x, thành phố x) đến cửa hàng cầm đồ gặp A đặt vấn đề vay 5.000.000 đồng. Sau khi A thông báo cho Nguyễn Thế T thì được T đồng ý cho anh Trần V T vay với mức lãi suất 7.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương 255,5%/ 01 năm), cứ định kỳ 01 tháng (30 ngày) đóng lãi một lần. Anh Trần V T đồng ý, A đưa tiền và cắt lãi luôn kỳ đầu sau đó hướng dẫn anh VT viết 01 giấy vay tiền với nội dung vay của A 5.000.000 đồng (không ghi mức lãi suất). Từ 05-5-2020 đến 04-01-2021 anh Trần V T trả lãi đều đặn cho A tổng cộng 09 kỳ = 270 ngày với số tiền 9.450.000 đồng (chưa trả nợ gốc).

Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 5.000.000 \text{ đồng} / 365 \times 270 = 739.726 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi T và A thu lợi bất hợp pháp là 8.710.274 đồng.

Trường hợp thứ 3: Ngày 27-10-2020 chị Nguyễn Thị H (sinh năm: 197x; trú tại: xx, Nam Định) đến cửa hàng cầm đồ gặp A đặt vấn đề vay 10.000.000 đồng. Sau khi A thông báo cho Nguyễn Thế T thì được T đồng ý cho chị H vay với mức lãi suất 6.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương 219%/ 01 năm), cứ định kỳ 10 ngày đóng lãi một lần. Chị H đồng ý, A đưa tiền và cắt lãi luôn kỳ đầu sau đó hướng dẫn chị H viết 01 giấy vay tiền với nội dung vay của “Chinh” (tên do A tự nghĩ ra và yêu cầu chị H viết) 10.000.000 đồng (không ghi mức lãi suất) và để căn cước công dân và đăng ký xe số xx mang tên Nguyễn Thị H ở lại. Sau đó chị H có đến xin lấy lại căn cước công dân của mình nên A chỉ còn giữ đăng ký xe mang số 121379. Từ 27-10-2020 đến 07-01-2021 chị Hoa trả lãi đều đặn cho A tổng cộng 08 kỳ = 80 ngày với số tiền 4.800.000 đồng.

Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 10.000.000 \text{ đồng} / 365 \times 80 = 438.356 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi T và A thu lợi bất hợp pháp là 4.361.644 đồng.

Trường hợp thứ 4: Ngày 29-8-2020 chị Nguyễn Thu Q (sinh năm: 198x; trú tại: xx, phường x, thành phố x) đặt vấn đề vay của T số tiền 5.000.000 đồng. T đồng ý cho chị Q vay với mức lãi suất 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (tương đương 146%/ 01 năm), cứ định kỳ 10 ngày đóng lãi một lần. Chị Q đồng ý, T đưa tiền và hướng dẫn chị Q viết 01 giấy vay tiền. T cắt lãi luôn của kỳ đầu là 200.000 đồng, sau đó A là người đi thu lãi của chị Q. Ngày 08-9-2020 chị Q đóng cho A 200.000 đồng tiền lãi của kỳ tiếp theo sau đó đến ngày 21-9-2020 chị Q đã trả 5.000.000

đồng tiền gốc cho A. Như vậy số tiền lãi chị Q đã trả cho khoản vay này là 400.000 đồng = 20 ngày. Theo luật định số tiền lãi tối đa trong trường hợp này là $20\% \times 5.000.000 \text{ đồng} / 365 \times 20 = 54.795 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi T và A thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 345.205 đồng

Đến ngày 05-10-2020 chị Q đến cửa hàng cầm đồ của T gặp A và đặt vấn đề vay 30.000.000 đồng. A thông báo cho T và được T đồng ý cho chị Q vay với mức lãi suất như cũ. A đưa tiền và cắt lãi luân kỳ đầu là 1.200.000 đồng sau đó hướng dẫn chị Q viết 01 giấy vay tiền với nội dung vay của T số tiền 30.000.000 đồng (không ghi mức lãi suất). Từ 05-10-2020 đến 04-01-2021 chị Q đã đóng lãi đều đặn cho A tổng cộng 10 kỳ = 100 ngày cho khoản vay này với tổng số tiền 12.000.000 đồng. Theo luật định số tiền lãi tối đa trong trường hợp này là $20\% \times 20.000.000 \text{ đồng} / 365 \times 100 = 1.643.836 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi T và A thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 10.356.164 đồng

Ngày 08-12-2020 chị Q đến cửa hàng cầm đồ của T gặp A và đặt vấn đề vay tiếp 20.000.000 đồng. A thông báo cho T và được T đồng ý cho chị Q vay với mức lãi suất như cũ. A đưa tiền và cắt lãi luân kỳ đầu là 800.000 đồng sau đó hướng dẫn chị Q viết 01 giấy vay tiền với nội dung vay của T số tiền 20.000.000 đồng. Từ 08-12-2020 đến 07-01-2021 chị Q đã đóng lãi đều đặn cho A tổng cộng 04 kỳ = 40 ngày cho khoản vay này với số tiền 3.200.000 đồng. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\% \times 20.000.000 \text{ đồng} / 365 \times 40 = 438.356 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi T và A thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 2.761.644 đồng.

Tổng số tiền chị Q vay của T là 55.000.000 đồng, tổng số tiền lãi mà chị Q đã đóng là 15.600.000 đồng trong đó tổng số tiền lãi T và A thu lợi bất hợp pháp là 13.463.013 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thế T và Trần Quang A đã cho 04 người trên vay tổng số tiền là 90.000.000 đồng đều với mức lãi suất là 146%/năm đến 225,5%/năm, thu được tổng số tiền lãi là 59.850.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm của tổng số tiền vay tương đương là 6.602.740 đồng, số tiền lãi chiếm hưởng bất hợp pháp là 53.247.260 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Nam Định đã triệu tập đối với Trần Quang A, tại cơ quan điều tra A khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên và đồng thời tự nguyện giao nộp 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay và thu tiền lãi đối với những người vay tiền trên.

Quá trình điều tra anh Nguyễn T Đ, anh Trần V T, chị Nguyễn Thị H trình bày số tiền gốc vay của Nguyễn Thế T đến thời điểm hiện tại chưa có điều kiện, khả năng giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Ngày 22-02-2021 chị Nguyễn Thu Q đã trả Nguyễn Thế T số tiền gốc của khoản vay ngày 05-10-2020 và 08-12-2020 là 50.000.000 đồng. Ngày 04-3-2021 chị Q tự nguyện giao nộp giấy biên nhận thể hiện việc trả tiền trên giữa chị và T.

Đối với số tiền 55.000.000 đồng chị Nguyễn Thu Q vay đã hoàn trả cho Nguyễn Thế T, và số tiền lãi đã thu là 59.850.000, T đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện T chưa giao nộp lại số tiền đã chiếm hưởng trái phép.

Bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 25-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố các bị cáo Nguyễn Thế T và Trần Quang A tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thế T và Trần Quang A về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Quang A từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thế T 61.602.740 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm linh hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của anh Nguyễn T Đ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); truy thu của anh Trần V T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); truy thu của chị Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thế T phải trả lại cho anh Nguyễn T Đ 26.712.329 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng); trả lại cho anh Trần V T 8.710.274 đồng (tám triệu bảy trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi đồng); trả lại cho chị Nguyễn Thị H 4.361.644 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng); lại cho chị Nguyễn Thu Q 13.463.013 đồng (mười ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười ba đồng).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ ghi chép ngày cho vay và trả tiền lãi thu giữ của Trần Quang A.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] *Về tội danh:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 03-2020 đến tháng 12-2020, tại cửa hàng cầm đồ số x, phường x, thành phố x; Nguyễn Thế T và Trần Quang A đã có hành vi cho 04 người vay tổng số tiền là 90.000.000 đồng với mức lãi suất là 146%/năm đến 255,5%/năm (gấp 7,3 lần đến 12,77 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%) để thu lợi bất chính số tiền 53.247.260 đồng.

Hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, giấy vay tiền, sổ ghi chép, bảng thống kê các khoản vay và tiền lãi đã thu, thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thế T và Trần Quang A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:*

Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:*

4.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về hình phạt chính:

Các bị cáo Nguyễn Thế T và Trần Quang A cùng nhau thống nhất thực hiện một tội phạm nên xác định các bị cáo đồng phạm.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy: Bị cáo Nguyễn Thế T bỏ tiền ra để cho những người có nhu cầu vay tiền lấy lãi suất cao để hưởng lợi bất chính và là người thuê bị cáo Trần Quang A để làm thủ tục cho vay tiền và đi thu lãi nên xếp bị cáo ở vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo Trần Quang A là người trực tiếp thực hiện việc cho khách vay tiền và đi thu lãi của khách vay theo sự chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Thế T. Về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thế T cần có mức cao hơn so với bị cáo Trần Quang A.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; vì vậy cần ấn định cho các bị cáo mức hình phạt trong khung đã truy tố nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét các bị cáo đều không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp:

6.1. Đối với khoản tiền các bị cáo dùng để cho vay (tiền gốc) là phương tiện phạm tội chưa thu được nên sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước gồm:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thế T số tiền gốc đã thu được của chị Nguyễn Thu Quỳnh là 55.000.000 đồng;

- Truy thu từ người vay số tiền nợ gốc chưa hoàn trả cho các bị cáo: Truy thu của anh Nguyễn T Đ số tiền 20.000.000 đồng; truy thu của anh Trần V T số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của chị Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền nợ gốc mà anh Nguyễn T Đ, anh Trần V T, chị Nguyễn Thị H đã vay của Nguyễn Thế T sẽ không phải trả cho Nguyễn Thế T.

6.2. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm của tổng số tiền vay tương đương là 6.602.740 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên sẽ truy thu của bị cáo Nguyễn Thế T để sung vào ngân sách Nhà nước;

Như vậy, tổng số tiền truy thu của bị cáo Nguyễn Thế T tại mục 6.1 và 6.2 là 61.602.740 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm linh hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng).

6.3. Đối với khoản tiền vượt quá lãi suất 20%/năm là tiền bị cáo Nguyễn Thế T thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thế T phải trả lại cho anh Nguyễn T Đ số tiền 26.712.329 đồng, phải trả lại cho anh Trần V T số tiền 8.710.274 đồng, phải trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 4.361.644 đồng, phải trả lại cho chị Nguyễn Thu Q số tiền 13.463.013 đồng.

[7] *Về xử lý vật chứng*: 01 quyển sổ ghi chép ngày cho vay và trả tiền lãi thu giữ của Trần Quang A là công cụ để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

[8] *Án phí Hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế T và Trần Quang A phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản án của bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thế T cho Ủy ban nhân dân phường x, thành phố xh, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thế T trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Trần Quang A 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản án của bị cáo.

Giao bị cáo Trần Quang A cho Ủy ban nhân dân phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Quang A trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Trường hợp các bị cáo Nguyễn Thế T và Trần Quang A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thế T tổng số tiền 61.602.740 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm linh hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của anh Nguyễn T Đ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); truy thu của anh Trần V T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); truy thu của chị Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thế T phải trả lại cho anh Nguyễn T Đ 26.712.329 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng); trả lại cho anh Trần V T 8.710.274 đồng (tám triệu bảy trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi đồng); trả lại cho chị Nguyễn Thị H 4.361.644 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng); lại cho chị Nguyễn Thu Q 13.463.013 đồng (mười ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười ba đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ được niêm phong trong 01 bì thư màu trắng mã số niêm phong NP01.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng).

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Thế T và Trần Quang A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo Nguyễn Thế T và bị cáo Trần Quang A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn T Đ, anh Trần V T, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thu Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Các bị cáo có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- UBND P. x, TP. x;
- UBND P. x, TP. x;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh